

DANH SÁCH ĐIỂM THI CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC ĐỢT 1 NĂM 2025

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	LT	TH	Ghi chú
1	0901010500	Đặng Hoàng Quý	Anh	27/10/2003	NH9A	4.25	4	
2	1001020041	Nguyễn Phương	Anh	24/07/2004	KD10C			
3	1001020061	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	24/07/2004	KD10H	5.25	6.5	
4	1001031623	Nguyễn Văn	Bình	12/08/2004	QM10A	6.50	2.5	
5	1001030510	Đỗ Tiến	Đạt	30/06/2004	QM10A	6.25	4	
6	1001070435	Đoàn Bắc Đăng	Duy	26/12/2004	KL10A	6.50	6	
7	1001020099	Nguyễn Thị Hương	Giang	08/10/2004	KD10H	6.50	7	
8	1001020100	Nguyễn Thu	Giang	21/11/2003	KD10H	5.75	4	
9	1001030540	Hoàng Trung	Hải	22/03/2004	QM10B	7.00	8.5	
10	1001020119	Nguyễn Thị	Hậu	12/12/2004	KD10H	6.25	5.5	
11	1001020553	Nguyễn Thúy	Hiền	09/07/2004	KD10H	6.50	2.5	
12	1001020132	Nguyễn Đức	Hoàn	20/08/2004	KD10B	6.25	4	
13	1001020142	Nguyễn Thị Xuân	Hương	05/08/2004	KD10H	6.25	5	
14	1001030574	Phạm Đức Quang	Huy	23/09/2004	QM10A	4.75	4	
15	1001031398	Trần Sỹ Quang	Huy	27/04/2004	QM10B	6.00	5	
16	0901030061	Vũ Quang	Huy	21/12/2003	QT9B		5	
17	0901020831	Phạm Thị	Liên	09/09/2003	KD9G	6.25		
18	0901020863	Đỗ Thùy	Linh	08/04/2002	KD9K	7.25	5.5	
19	1001080167	Lê Khánh	Linh	12/10/2004	TM10A	4.50	5	
20	1001020173	Nguyễn Ngọc	Linh	21/11/2003	KD10H	5.00	5.5	
21	1104020011	Lê Thị	Luyên	25/01/1992	LT11A	7.25	5	
22	0610210226	Hà Thị	Luyên	06-07-2000	KD6E	3.75	3	
23	0901030595	Trần Cao	Mạnh	14/09/2003	QT9B		5	
24	0901030107	Nguyễn Thị Bích	Nga	14/09/2003	QM9A	6.25		
25	1001021026	Đỗ Thị	Ngân	09/10/2004	KD10H	4.75	3	
26	1001080408	Vũ Trần Minh	Ngọc	03/08/2004	TM10A	5.75	4.5	
27	0610211089	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	20-10-2000	KD6H	5.25	7	
28	0901020418	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	27/08/2003	QT9A	5.00	5	
29	0901020432	Nguyễn Lâm	Oanh	28/08/2003	KD9N	6.75	4.5	
30	0901010189	Nguyễn Hoàng	Phúc	02/08/2003	NH9A	3.75	1.5	
31	1001020249	Lê Thị Thu	Phương	12/08/2004	KD10H	6.00	5	

32	1001021045	Nguyễn Thị	Phương	20/04/2004	KD10H	7.75	10	
33	1001081125	Phạm Thị	Phượng	22/06/2004	TM10A	6.00	4.5	
34	0901030205	Đào Hồng	Quân	30/10/2003	QT9B	6.25	5.5	
35	0810120215	Nguyễn Thị	Thản	31/03/2002	NH8A	5.75	5	
36	1001020274	Đỗ Thị Thu	Thảo	14/11/2004	KD10H	6.50	8	
37	0901080810	Nguyễn Phương	Thảo	30/06/2003	TM9A	6.25	5.5	
38	0901010859	Nguyễn Thị	Thảo	23/05/2003	KD9M	4.50	3.5	
39	0901030621	Nguyễn Xuân	Thu	23/03/2003	TM9A	6.75	6	
40	0901080509	Nguyễn Thị Hồng	Trang	13/01/2003	TM9A	5.25	5	
41	0901060550	Ngô Hồng	Triệu	06/06/2003	KA9A	5.50	3.5	
42	1001020332	Đỗ Hà	Vi	28/05/2004	KD10B	7.00	5	